

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Huệ

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2018

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ theo văn bản số :3280-36/TB-GDDT-KHTC ngày 19/09/2018 về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Trong đó		
				Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	12.284.250.875	12.284.250.875			
A	Tổng số thu	2.347.366.360	2.347.366.360			
1	Số thu phí, lệ phí					
1,1	Lệ phí					
1	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
						
1,2	Phí	2.347.366.360	2.347.366.360			
	Phí A (HPCL)	2.347.366.360	2.347.366.360			
	Phí B					
						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	954.949.052	954.949.052			
3	Thu sự nghiệp khác	8.981.935.463	8.981.935.463			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	12.284.250.875	12.284.250.875	8.406.923.906	597.025.840	1.428.512.369
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.347.366.360	2.347.366.360	1.901.257.977	15.847.000	128.106.247
1,1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.347.366.360	2.347.366.360	1.901.257.977	15.847.000	128.106.247
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1,2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	954.949.052	954.949.052	348.464.070		522.996.104
3	Hoạt động sự nghiệp khác	8.981.935.463	8.981.935.463	6.157.201.859	581.178.840	777.410.018
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1,1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
						
1,2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	74.668.100	74.668.100			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	13.998.284.244	13.998.284.244	7.867.292.576	-	1.048.523.230
1	Chi quản lý hành chính					
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.998.284.244	13.998.284.244	7.867.292.576	-	1.048.523.230